

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC
LỚP MẪU GIÁO LỚN NĂM HỌC 2025 - 2026

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG:

STT	Mục tiêu giáo dục Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Dự kiến chủ đề
1. Giáo dục phát triển thể chất			
a. Phát triển vận động			
1	Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân) + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
2	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30 m. - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. - Đứng một chân và giữ	*. Đi và chạy: - Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối. - Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc. - Đi nôi bàn chân tiến, lùi. *. Bật - nhảy: - Bật liên tục vào vòng. - Bật xa 40-50cm.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9

3	thẳng người trong 10 giây. Kiểm soát được vận động: - Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).	-BAT - nhảy từ trên cao xuống (40 – 45cm) -BAT tách, khép chân qua 7 ô; -BAT qua vật cản 15 – 20cm. - Nhảy lò cò 5m. * Đi và chạy: - Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích đích theo hiệu lệnh.	1, 3, 4
4	Phối hợp tay- mắt trong vận động: - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). - Ném trúng đích đứng (xa 2m x cao 1,5m). - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4 - 5 lần liên tiếp.	*. Tung, ném, bắt: - Tung bóng lên cao và bắt. - Tung, đập bắt bóng tại chỗ. - Đi và đập bắt bóng. - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. - Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân.	1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9
5	Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. - Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2m). - Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu.	*. Đi và chạy: - Chạy 18m trong khoảng 10 giây. - Chạy chậm khoảng 100 - 120m *. Tung, ném, bắt: - Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay. *. Bò, trườn, trèo: - Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m -5m. - Bò đích dắc qua 7 điểm. - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m. - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. - Trèo lên xuống 7 gióng thang.	4, 5, 6, 7, 8, 9
6	Thực hiện được các vận động: - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động:	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ nắn. - Lắp ráp. - Xé, cắt đường vòng cung.	1, 3, 5, 7, 9 2, 4, 6, 8

7	- Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. - Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya)	- Tô, đồ theo nét. - Cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc mơ tuya), xâu, luôn, buộc dây.	
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
8	Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.	2
9	Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống	6
10	Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe. - <i>Quyền được sống: Được chăm sóc sức khỏe, nuôi dưỡng, giáo dục.</i>	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) - <i>Nhu cầu của bản thân và sử dụng đồ dùng, nguyên liệu, thực phẩm vừa đủ, tránh lãng phí.</i> - <i>Trẻ được chăm sóc và bảo vệ sức khỏe (khám sức khỏe định kì, tiêm chủng, được phòng và chữa bệnh...).</i> - <i>Trẻ được nuôi dưỡng – CS - GD để phát triển toàn diện.</i>	2
11	Thực hiện được một số việc đơn giản: - Tự rửa tay bằng xà phòng.	- Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà	1 -> 9

12	Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch. Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.	phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách. - Tự xúc cơm ăn gọn gàng, tự xới cơm vào bát. Biết lấy cốc rót nước uống không làm nước tràn ra ngoài.	3
13	Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.	4, 9
14	Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: - Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Ra nắng đội mũ: Đi tắt, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhả bậy ra lớp.	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.	2, 8
15	Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.		3, 5
16	Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... là nguy hiểm và nói	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn,	6, 8

được mỗi nguy hiểm khi đến gần. Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: - Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc.... - Biết không tự ý uống thuốc. - Biết thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe. - <i>Quyền được sống: Quyền sống.</i>		những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - <i>Trẻ được bảo vệ tính mạng, được bảo đảm tốt nhất các điều kiện sống và phát triển;</i> - <i>Trẻ thực hành thói quen an toàn cá nhân</i>	2
18 - Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào... Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu...			7
19 - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người		- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.	1, 9

thân và khi bị lạc biết hỏi,
gọi người lớn giúp đỡ.

2. Giáo dục phát triển nhận thức

a) Khám phá khoa học

20	Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: “Tại sao có mưa?”...	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. - Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng. - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.	8
----	--	--	---

21	Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - Ảnh hưởng của thiên tai đối với các hoạt động của các phương tiện giao thông; gây ách tắc giao thông, hỏng công trình đường bộ cầu cống, hỏng các phương tiện giao thông	1, 2, 6
22	Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.	- Ảnh hưởng của các phương tiện giao thông đối với môi trường; gây ô nhiễm môi trường không khí, gây nên hiệu ứng nhà kính, ảnh hưởng tới sức khỏe con người - Ảnh hưởng biến đổi khí hậu đến ngày tết; cuối mùa đông đầu mùa xuân không còn lạnh, nhiều ngày nắng dẫn đến hoa nở sớm, thời tiết những ngày nắng cũng dễ làm ôi thiu bánh chưng, giò và các đồ ăn khác	6, 8
23	Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	- Mối quan hệ của thực vật với biến đổi khí hậu và thiên tai: + Ảnh hưởng của thiên tai đối thực; làm hoa dập nát, hoa chết, bị chôn vùi, không phát triển được, nhiều loại sâu bệnh + Ích lợi của thực vật đối với phòng, chống thiên tai; giữ nước, chống sạt lở đất, điều hòa không khí bảo vệ môi trường - Mối quan hệ của động vật với biến đổi khí hậu và thiên tai: + Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và thiên tai đối với đời sống động vật; ô nhiễm môi trường, xáo trộn môi trường sống, thiếu nước, giảm nguồn thức ăn, không còn nơi cư trú, chết một số loài động vật, dịch bệnh	3, 5, 7
24	Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu.	3, 5, 6

25	Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.	- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu. - Một số đặc điểm, tính chất của nước.	8
26	Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.		2
27	Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng.	7
28	Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	Thực hiện thông qua các nội dung giáo dục khác.	4
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
29	Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: “Bao nhiêu?”; “Đây là mấy”?...		7
30	Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	2, 4, 5, 7, 9
31	So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.		2, 4
32	Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.		4, 5, 6, 7, 9
33	Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.	- Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.	4, 5, 6, 7, 9
34	Nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.	6, 9
35	Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống	3, 6

	hàng ngày.	hàng ngày (số nhà, biển số xe...)	
36	Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.	1
37	Nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.	1
38	Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.	- Tạo ra quy tắc sắp xếp.	1
39	Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.	8
40	Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối đó trong thực tế. - Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và yêu cầu.	3
41	Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật làm chuẩn.	- Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau. - Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.	2
42	Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	- Nhận biết hôm nay, hôm qua, ngày mai. - Gọi tên các ngày trong tuần	8
C, Khám phá xã hội			
43	Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.	2, 3
44	Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình, địa	3
	Nói địa chỉ gia đình mình		3

45	(số nhà, đường phố/ thôn, xóm), số điện thoại (nếu có)... khi được hỏi trò chuyện.	chỉ gia đình. - Hoạt động sinh hoạt của gia đình hướng đến bảo vệ môi trường, hạn chế biến đổi khí hậu - Hoạt động phòng, chống thiên tai của gia đình	
46	Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường.	1, 8
47	Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường. - Những thiên tai thường xảy ra ở khu vực trường	1
48	Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp, khi được hỏi, trò chuyện.	- Khu vực an toàn của trường học/ nơi lánh nạn khi có thiên tai - Khu vực an toàn/nơi sơ tán gần trường học nhất - Bảo vệ môi trường, cảnh quan của nhà trường	1
49	Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới...”	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. - Một số nghề có vai trò, trách nhiệm tham gia vào các công tác phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; dự báo khí tượng thủy văn, phát thanh viên chương trình dự báo thời tiết, công nhân vệ sinh môi trường, cứu hộ, cứu nạn - Một số nghề khác có mối quan hệ giữa hoạt động nghề nghiệp đối với môi trường (khai thác tài nguyên, sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, nước thải, khí thải của hoạt động sản xuất, sử dụng hóa chất, thuốc kích thích tăng trưởng... là nguyên nhân gây ô nhiễm	4

50	Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...”. - <i>Quyền được phát triển:</i>	môi trường, dẫn đến sự biến đổi khí hậu và thiên tai gia tăng) - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước. - Khám phá bản đồ Việt Nam, khí hậu vùng miền (Đồng bằng; ngập úng, lũ lụt. Miền núi; sạt lở đất, xói mòn).	1, 9
51	Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước. - <i>Quyền được phát triển:</i> <i>Quyền giữ gìn, phát huy bản sắc.</i>	- <i>Trẻ được tôn trọng đặc Điểm và giá trị riêng của bản thân và văn hóa dân tộc.</i> - <i>Trẻ được dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc, phát huy truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc mình.</i>	9
3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ			
52	Thực hiện các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”.	Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.	9
53	Hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,...).	Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.	3, 5, 6, 7.
54	Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại. - <i>Quyền được tham gia:</i> <i>Quyền bày tỏ ý kiến.</i>	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, động dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè, phù hợp với độ tuổi. - <i>Trẻ được bày tỏ ý kiến theo cách hiểu của trẻ.</i>	2, 8
55	Kể rõ ràng có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để	Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8,

	người nghe có thể hiểu được.	nhau và các thanh điệu.	9
56	Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...phù hợp với ngữ cảnh.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.	5, 7
57	Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh,...	- Trả lời được câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: “Tại sao?”, “Có gì giống nhau?”. “Có gì khác nhau?”; “Do đâu mà có?”. - Đặt các câu hỏi: “Tại sao?” “Như thế nào?”; “Làm bằng gì?”.	2, 9
58	Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái,... của nhân vật.		4
59	Sử dụng các từ: “Cảm ơn”, “Xin lỗi”, “Xin phép”, “Thưa”, “Dạ”, “Vâng”... phù hợp với tình huống.	Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng	4, 8
60	Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...	Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
61	Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện...trong nội dung truyện.	Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự. Kể lại sự việc theo trình tự.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
62	Đóng được vai của nhân vật trong truyện.	Đóng kịch.	2, 7
63	Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.	Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	2, 6.
64	Chọn sách để “đọc” và xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Đọc truyện qua các tranh vẽ. - Giữ gìn, bảo vệ sách.	5, 8
65	Kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	Kể truyện theo đồ vật, theo tranh.	9
	Biết cách đọc sách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang	5, 6

66	đến cuối sách.	phải, dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.	
67	Nhận ra ký hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...	Làm quen một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)	1, 7
68	Nhận dạng chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.	Nhận dạng các chữ cái.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
69	Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái tên của mình.	- Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên tuổi của mình.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
4. Giáo dục phát triển tình cảm, kĩ năng xã hội			
70	Nói được họ tên, tuổi, giới tính, tên bố, tên mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.	2, 3
71	Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được. - <i>Quyền được tham gia: Quyền được vui chơi, giải trí.</i>	Sở thích, khả năng của bản thân. - <i>Trẻ được tự do lựa chọn khu vực chơi, nhóm chơi trẻ thích, được bình đẳng khi chơi.</i>	2, 3
72	Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bề ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.	2
73	Biết mình là con /cháu /anh /chị/em trong gia đình.	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học	2, 3
74	Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động. - Mạnh dạn tự tin, bày tỏ ý kiến.	1, 3
75	Tự làm một số việc đơn giản hàng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).		2
76	Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao. <i>Quyền được bảo vệ: Quyền được bảo vệ để không bị bóc lột sức lao động; không</i>	Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp gọn đồ chơi...) - <i>Trẻ được bảo vệ để không bị bóc lột sức lao động; không</i>	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9

	<i>lột sức lao động.</i>	<i>làm công việc nặng nhọc quá độ tuổi của trẻ. Không bị lạm dụng sức lao động</i>	
77	Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui buồn, sợ hãi tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.	5
78	Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống khác nhau. - Mọi quan hệ giữ hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.	1, 7
79	Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn.	1.
80	Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	Kính yêu Bác Hồ.	9
81	Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.		9
82	Biết một vài cảnh đẹp di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước. - Khi đi du lịch, bé cần có ý thức bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên và cảnh giác với các hiện tượng thiên tai có thể xảy ra.	1, 6, 9
83	Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	Một số quy định ở lớp và gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường).	1, 3
84	Biết nói lời cảm ơn xin lỗi,	Lắng nghe ý kiến của người	4

	chào hỏi lễ phép.	khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép, lịch sự.	
85	Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.		5, 7
86	Biết chờ đến lượt.	Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.	4
87	Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.		1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
88	Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.	4, 7
89	Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Bảo vệ chăm sóc con vật, cây cối.	5, 6
90	Bỏ rác đúng nơi quy định.		6
91	Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).	Giữ gìn vệ sinh môi trường.	8
92	Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	- Tiết kiệm, điện, nước.	8
5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ			
93	Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng.	Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	4, 7
94	Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.	1, 7
95	Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát	Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9

96	qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ... Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
97	Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.	6, 9
98	Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	- Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).	5, 9
99	Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	Lựa chọn phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.	4, 5, 6, 8
100	Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa bố cục cân đối.	Tìm kiếm lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9
101	Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét và bố cục.	3, 5, 7, 8, 9
102	Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.		1, 3, 6
103	Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.		9
104	Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.		2, 5
105	Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét và bố cục.	3, 5

106	Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.	3, 6
107	Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	4, 8

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ (5 - 6 tuổi)

Thời gian (từ ngày 08/09/2025 đến ngày 22/5/2026)	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/hội	Điều chỉnh bổ sung
Tháng 9 (từ ngày 08/09/2025 đến 26/09/2025)	1	Trường mầm non thân yêu (3 tuần)	- Trường mầm non thân yêu - Lớp học của bé - Cô giáo và các bạn	1 tuần 1 tuần 1 tuần		
Tháng 9 - 10 (từ ngày 29/9/2025 đến 24/10/2025)	2	Bản thân (4 tuần)	- Tôi là ai - Tết trung thu - Cơ thể của tôi - Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh - Công việc và những thành viên trong gia đình.	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	- Tết trung thu (15/08 âm lịch) - Ngày hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam (20/10)	
Tháng 10 - 11 (từ ngày 27/10/2025 đến 21/11/2025)	3	Gia đình (4 tuần)	- Ngôi nhà bé yêu - Ngày nhà giáo VN 20/11 - Đồ dùng trong gia đình của bé	1 tuần 1 tuần 1 tuần	Ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11)	
Tháng 12 (từ ngày	4	Nghề nghiệp	- Nghề xây dựng - Nghề bác sĩ	1 tuần 1 tuần	Ngày thành lập quân đội	

24/11/2025 đến 19/12/2025)		(4 tuần)	- Nghề bộ đội, công an - Nghề sản xuất	1 tuần 1 tuần	nhân dân Việt Nam 22/12/2025	
Tháng 12 - 01 (từ ngày 22/12/2025 đến 30/01/2026)	5	Thế giới động vật. (5 tuần)	- Động vật nuôi trong gia đình - Động vật sống dưới nước - Động vật sống trong rừng - Một số loại chim, côn trùng	2 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	- Nghỉ tết dương lịch 01.01.2026 - Tổ chức các hội thi cấp trường.	
Tháng 02 - 03 (từ ngày 02/02/2026 đến 13/03/2026)	6	Thế giới thực vật (5 tuần)	- Cây xanh và môi trường sống - Mùa xuân và tết nguyên đán - Một số loại hoa, quả - Ngày 8/3 - Một số loại rau.	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	- Nghỉ tết Nguyên Đán 2026 - Ngày Thầy thuốc Việt Nam 27/02 - Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3	
Tháng 03 - 04 (từ ngày 16/03/2026 đến 10/04/2026)	7	Phương tiện và một số luật giao thông (4 tuần)	- Phương tiện giao thông đường bộ - Một số quy định giao thông đường bộ - Phương tiện giao thông đường thủy - Phương tiện giao thông đường không. - Nước.	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần		
Tháng 04 - 05 (từ ngày 13/04/2026 đến 01/05/2026)	8	Nước và các hiện tượng tự nhiên (3 tuần)	- Các hiện tượng tự nhiên - Thời tiết bốn mùa	1 tuần 1 tuần	- Ngày Giỗ tổ Hùng Vương mùng 10/3/2026 (âm lịch) - Ngày lễ 30/4: Ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất	

Tháng 05 (từ ngày 04/05/2026 đến 22/05/2026)	9	Quê hương - Đất nước - Bác Hồ với các cháu thiếu nhi - Trường Tiểu học (3 tuần)	- Quê hương - Đất nước	1 tuần	nước - Ngày 1/5: Ngày Quốc tế Lao Động
			- Bác Hồ với các cháu thiếu nhi	1 tuần	
			- Trường Tiểu học	1 tuần	

NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**HIỆU TRƯỞNG**
Lò Thị Minh**Lò Thị Hạnh**